

Bản án số: **20/2020/DS-ST**

Ngày: 30 - 6 - 2020.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa bà M và vợ chồng
ông T, bà Đ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Ry

- Ông Nguyễn Đình Hậu

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Vũ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **6** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 267/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971. Địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

* **Bị đơn:** Vợ chồng ông Dư Anh T, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1974. Địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vào ngày 25/02/2019 vợ chồng ông T, bà Đ có nhờ bà M vay dùm số tiền 1.250.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, hẹn 02 ngày sẽ trả, nhưng sau đó chỉ trả được 1.183.000.000 và còn nợ lại 67.000.000đ. Mặc dù bà M đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà Đ vẫn không trả nợ. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà Đ phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 67.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà Đ đồng ý với lời trình bày của bà M về việc vay nợ. Bà Đ cho rằng ngày 25/7/2019 bà đã gửi trả cho bà M 10.000.000đ tiền lãi, bà Đ muốn bà M bớt tiền cho bà nên bà Đ chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 40.000.000đ.

* *Bị đơn ông Dư Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn*

vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của ông T tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M; buộc vợ chồng ông T, bà Đ phải trả cho bà M số tiền là 67.000.000đ, không tính lãi suất.

- Buộc vợ chồng ông T, bà Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Dur Anh T, bà Nguyễn Thị Đ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vợ chồng ông Dur Anh T, bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Dur Anh T, bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

Vào ngày 25/02/2019 vợ chồng ông T, bà Đ có nhờ bà M vay dùm số tiền 1.250.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, hạn 02 ngày sẽ trả, nhưng sau đó chỉ trả được 1.183.000.000 và còn nợ lại 67.000.000đ. Mặc dù bà M đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà Đ vẫn không trả nợ nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M đã cung cấp cho Tòa án bản gốc 01 giấy mượn tiền lập ngày 25/02/2019 có chữ ký của vợ chồng ông T, bà Đ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà M và vợ chồng ông T, bà Đ có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể. Việc vay mượn có cả hai vợ chồng ông T, bà Đ đều ký giấy vay. Bà Đ cũng thừa nhận còn nợ bà M số tiền 67.000.000đ nhưng đã trả được 10.000.000đ và xin giảm bớt nên chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 40.000.000đ nhưng bà M không đồng ý và bà Đ cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng M việc đã trả 10.000.000đ và lý do gì để xin giảm bớt tiền gốc. Vì vậy, bà M yêu cầu vợ chồng ông T, bà Đ phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 67.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về lãi suất:** Quá trình giải quyết vụ án bà M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M đối với vợ chồng ông T, bà Đ; Buộc vợ chồng ông T, bà Đ phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 67.000.000đ.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông T, bà Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: $67.000.000đ \times 5\% = 3.350.000đ$.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với vợ chồng ông Dư Anh T, bà Nguyễn Thị Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Dư Anh T, bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 67.000.000đ (*Sáu mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Vợ chồng ông Dư Anh T, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 3.350.000đ (*Ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.675.000đ (*Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2016/0019505 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Nguyễn Đức Trường